

Bản án số: 41/2026/DS-ST  
Ngày: 24 – 02 – 2026  
*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vương Thị Lệ Hằng

*- Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Kim Phước

Ông Đỗ Văn Quân

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Khánh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2025/TLST-DS, ngày 04 tháng 11 năm 2025, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2026/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Hồng Th, sinh ngày 01/01/1980; Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Triệu Du N, sinh ngày 12/9/1986; Địa chỉ: Ấp A, xã L, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh ngày 01/01/1963; Địa chỉ: Ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trà S, sinh ngày 01/01/1963; Địa chỉ: Ấp Bưng L, xã T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 10 năm 2025 và tại phiên tòa, người người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Triệu Du N trình bày:

Trong năm 2024, bà Đoàn Hồng T có cho bà Trần Thị H vay tiền nhiều lần và đến ngày 25/04/2025, bà Trần Thị H thống nhất số tiền đã vay là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng). Các bên có lập “Biên nhận cho vay mượn tiền” vào ngày 25/4/2025, vay không thỏa thuận thời hạn nhưng

có thỏa thuận là khi bà Đoàn Hồng T cần hoặc bà Trần Thị H không đóng lãi thì được quyền yêu cầu bà Trần Thị H trả tiền. Mục đích vay là để bà Trần Thị H sửa chữa hàng rào, mua sắm trong gia đình. Các bên thỏa thuận lãi suất miệng là 3%/tháng. Bà Đoàn Hồng T đã giao đủ số tiền là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) cho bà Trần Thị H. Khi vay có lập "Biên nhận cho vay mượn tiền" đề ngày 25/4/2025, có chữ ký của bà Trần Thị H.

Tuy nhiên, từ thời điểm vay cho đến nay, bà Trần Thị H không đóng tiền lãi suất cho bà Đoàn Hồng T theo thỏa thuận.

Tại đơn khởi kiện ngày 08/10/2025, bà Đoàn Hồng Th yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị H và ông Trà S cùng liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi suất tính từ ngày 25/04/2025 đến khi bà Trần Thị H và ông Trà S trả hết nợ. Tiền lãi tạm tính từ ngày 25/04/2025 đến ngày 25/10/2025 là:  $180.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng} = 17.928.000 \text{ đồng}$ . Tổng cộng là: 197.928.000 đồng (một trăm chín mươi bảy triệu chín trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đoàn Hồng T thay đổi yêu cầu khởi kiện về số tiền và thời gian tính lãi suất, cụ thể yêu cầu tính lãi suất từ ngày 05/11/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là 24/02/2026 (3 tháng 19 ngày), mức lãi suất là 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng), số tiền là 10.856.400 đồng (mười triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm đồng). Tổng số tiền bà Đoàn Hồng T yêu cầu bà Trần Thị H và ông Trà S trả cho bà là 190.856.400 đồng (một trăm chín mươi triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

\* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 11 năm 2025, biên bản hòa giải ngày 29 tháng 01 năm 2026 và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị Hương trình bày:

Bà thừa nhận có vay tiền của bà Đoàn Hồng T, tuy nhiên bà vay 03 (ba) lần với tổng số tiền là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng), lần đầu vay 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), lần 02 vay 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và lần 03 vay 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Thời gian vay tiền là tết nguyên đán năm 2025, bà không nhớ rõ vay vào thời gian nào. Khi vay thỏa thuận lãi là 10%/tháng. Mỗi tháng bà đóng cho bà Đoàn Hồng T số tiền là 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng). Bà đóng được vài tháng sau đó ngừng đóng tiền lãi cho đến nay. Khi đóng tiền lãi suất, các bên cũng không lập giấy tờ, không ai biết rõ sự việc. Đối với số tiền lãi này đã đóng cho bà Đoàn Hồng T, bà không yêu cầu đối với số tiền lãi suất này. Khi vay tiền, bà không biết có viết biên nhận nợ không vì bà không rành chữ. Bà Đoàn Hồng T có yêu cầu bà ký tên và bà có ký nhưng không biết ký tên vào giấy tờ gì. Trên thực tế bà chỉ nhận của bà Đoàn Hồng T số tiền là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng). Đối với việc vay số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng), bà không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh và cũng không ai chứng kiến biết rõ sự việc vay tiền giữa bà và bà Đoàn Hồng T. Bà cũng không yêu cầu giám định chữ ký trong biên nhận nợ do bà Đoàn Hồng T cung cấp.

Việc bà vay tiền của bà Đoàn Hồng T thì ông Trà S không hay biết. Bà vay tiền để phục vụ sinh hoạt trong gia đình và tiêu xài cá nhân. Bà không đồng ý trả số tiền là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng). Trong trường hợp thỏa thuận được, bà đồng ý trả cho bà Đoàn Hồng T số tiền là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Tuy nhiên bà xin sẽ được trả trong 03 vụ lúa.

\* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 01 năm 2026, biên bản hòa giải ngày 29 tháng 01 năm 2026 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trà S trình bày:

Ông không biết về việc vay mượn tiền giữa bà Đoàn Hồng T và bà Trần Thị H. Đến thời gian sau này thì ông mới biết. Ông nghe bà Trần Thị H nói lại là chỉ vay của bà Đoàn Hồng T số tiền nợ gốc là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng). Còn việc vay cụ thể như thế nào thì ông không rõ. Tuy nhiên ông cũng đồng ý cùng bà Trần Thị H trả số tiền nợ gốc cho bà Đoàn Hồng T là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng). Ông không đồng ý trả số tiền là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng). Trong trường hợp thỏa thuận được, ông đồng ý cùng bà Trần Thị H trả cho bà Đoàn Hồng T số tiền là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Tuy nhiên ông xin sẽ được trả trong 03 vụ lúa.

\* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:

- Về tố tụng: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Hồng T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung khởi kiện, nguyên đơn bà Đoàn Hồng T yêu cầu bị đơn bà Trần Thị H trả số tiền nợ đã vay và yêu cầu tính lãi suất. Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn bà Trần Thị H cư trú tại ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ thụ lý giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của

Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tổ tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Nguyên đơn bà Đoàn Hồng T thay đổi yêu cầu khởi kiện về thời gian tính lãi suất, buộc bị đơn bà Trần Thị H trả cho bà số tiền lãi suất với mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng), tính từ ngày 05/11/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/02/2026 (3 tháng 19 ngày) với số tiền là 10.856.400 đồng (mười triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm đồng). Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Hồng Thúy.

[3] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Hồng T đối với yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền còn nợ là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào “Biên nhận cho vay mượn tiền” ngày 25/4/2025 (*bút lục số 30*) do nguyên đơn cung cấp và tại biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2025 (*bút lục số 18*), bị đơn bà Trần Thị H thừa nhận có vay tiền của bà Đoàn Hồng T để phục vụ sinh hoạt trong gia đình và để tiêu xài cá nhân. Bà Trần Thị H không xác định chữ ký, chữ viết trong biên nhận cho vay mượn tiền ngày 25/4/2025 có phải là do bà ký và viết ra không, tuy nhiên bà không yêu cầu giám định chữ ký chữ viết. Hiện nay, bà Trần Thị H chưa trả số tiền nợ vay cho bà Đoàn Hồng T. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về việc xác định chứng cứ và những tình tiết sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử công nhận việc bà Trần Thị H có vay tiền của bà Đoàn Hồng T và đã thống nhất số tiền nợ vào ngày 25/4/2025 là có thật.

Thỏa thuận cho vay tiền giữa bà Đoàn Hồng T và bà Trần Thị H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tại Biên nhận cho vay mượn tiền, các bên không có thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng có thỏa thuận về tiền lãi suất. Theo khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản...*”. Nguyên đơn bà Đoàn Hồng T đã nhiều lần yêu cầu bà Trần Thị H trả tiền nợ vay và Tòa án đã thông báo về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên từ thời điểm đó cho đến nay, bà Trần Thị H vẫn không thực hiện nghĩa vụ và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó việc bà Đoàn Hồng T yêu cầu bà Trần Thị H trả số tiền nợ gốc 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Nguyên đơn bà Đoàn Hồng T yêu cầu buộc bà Trần Thị H trả tiền lãi suất là 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng) đối với số tiền nợ vay 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng), kể từ ngày 05/11/2025 đến ngày xét xử sơ

thẩm 24/02/2026 (03 tháng 19 ngày) với số tiền là 10.856.400 đồng (mười triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

Xét yêu cầu này của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy, “Biên nhận cho vay mượn tiền” ngày 25/4/2025 có thỏa thuận lãi suất nhưng không thể hiện cụ thể là bao nhiêu. Nguyên đơn bà Đoàn Hồng T cho rằng lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2025, bị đơn bà Trần Thị H trình bày lãi suất khi vay là 10%/tháng. Bà Trần Thị H đã đóng lãi suất hàng tháng cho bà Đoàn Hồng T, tuy nhiên bà không nhớ số tiền là bao nhiêu và cũng không yêu cầu đối trừ về số tiền lãi suất này. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác*”. Đối chiếu với quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định “*Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết “thời gian hợp lý” đến thời điểm xét xử sơ thẩm. “Thời gian hợp lý” quy định tại Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 1995, Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do Tòa án căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xem xét, quyết định nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày thông báo*”. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi suất là 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng) kể từ ngày 05/11/2025 (thời điểm Tòa án thụ lý vụ án) đến ngày xét xử sơ thẩm 24/02/2026 là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, cần buộc bị đơn bà Trần Thị H phải trả số tiền lãi suất tính từ ngày 05/11/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là 10.856.400 đồng (mười triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm đồng) cho nguyên đơn bà Đoàn Hồng T.

[5] Bị đơn bà Trần Thị H cho rằng, bà vay của bà Đoàn Hồng T 03 (ba) lần với tổng số tiền là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng), lần đầu vay 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), lần 02 vay 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và lần 03 vay 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Bà Trần Thị H không nhớ rõ thời gian của từng lần vay tiền. Bà không biết có viết biên nhận nợ không vì bà không rành chữ, bà Đoàn Hồng T có yêu cầu bà ký tên và bà có ký nhưng không biết ký tên vào giấy tờ gì. Trên thực tế bà chỉ nhận của bà Đoàn Hồng T số tiền là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng). Bà không đồng ý trả số tiền là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng). Trong trường hợp thỏa thuận được, bà Trần Thị H đồng ý trả số tiền là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) cho bà Đoàn Hồng T và bà yêu cầu sẽ trả trong 03 vụ lúa. Xét lời trình bày của bị đơn bà Trần Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy, bà Trần Thị H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ và hợp pháp. Ngoài ra cũng không ai chứng kiến biết rõ được sự việc vay tiền giữa bà Đoàn Hồng T và bà Trần Thị H. Mặt khác, nguyên đơn bà Đoàn Hồng T không đồng ý đối với yêu cầu thỏa thuận chỉ trả số tiền là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) và yêu cầu được trả trong 03 (ba) vụ lúa của bà Trần Thị H. Do đó

không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày này của bị đơn bà Trần Thị H.

[6] Nguyên đơn bà Đoàn Hồng T yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trà S cùng liên đới trả nợ. Xét yêu cầu này của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy, việc bà Trần Thị H vay tiền để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Ông Trà S đồng ý cùng bà Trần Thị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn bà Đoàn Hồng T. Căn cứ khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần buộc ông Trà S cùng thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ này.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn bà Trần Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trà S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Đoàn Hồng Th không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 5 Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Hồng T. Buộc bị đơn bà Trần Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trà S trả cho bà Đoàn Hồng T tổng số tiền là 190.856.400 đồng (một trăm chín mươi triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm đồng), trong đó tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng), tiền lãi suất là 10.856.400 đồng (mười triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn bà Đoàn Hồng T cho đến khi thi hành xong khoản tiền bị đơn bà Trần Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trà S còn phải thanh toán cho bà Đoàn Hồng T nêu trên, hàng tháng bị đơn bà Trần Thị

H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trà S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Đoàn Hồng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Đoàn Hồng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.948.200 đồng (bốn triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008106 ngày 30/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Cần Thơ.

- Bị đơn bà Trần Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà Trần Thị H và ông Trà S được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn bà Đoàn Hồng T, bị đơn bà Trần Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trà S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 9 - Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 9 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Vương Thị Lệ Hằng**